|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC- UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng năm 2022* |

 **Dự thảo**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước**

**để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn**

**tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025**

1. **XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**
2. **Bối cảnh xây dựng chính sách**

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới *(sau đây viết tắt là Chương trình )* đã được triển khai thực hiện từ năm 2011 đến nay, qua 02 giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020. Trong quá trình thực hiện Chương trình, Hội đồng nhân dân *(HĐND*) tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 về việc thông qua Quy định mức hỗ trợ từ NSNN *(NSNN)* để thực hiện một số nội dung xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2013-2020 và trên cơ sở này Ủy ban nhân dân *(UBND)* tỉnh đã ban hành Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 về việc Quy định mức hỗ trợ từ NSNN để thực hiện một số nội dung xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2013-2020.

Đồng thời trong giai đoạn này, HĐND tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết 21/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)* và UBNDtỉnh ban hành Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 ban hành Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh *(được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 ),* trong đó có nhiều nội dung liên quan đến Chương trình.

Các chính sách nói trên đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quá trình chỉ đạo, tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình và góp phần tích cực vào kết quả thực hiện Chương trình, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu của Chương trình giai đoạn đến năm 2020 do Trung ương và Tỉnh ủy giao, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay các Nghị quyết, Quyết định về các chính sách hỗ trợ này đã hết giai đoạn thực hiện, hết hiệu lực thi hành.

 Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 1 mục V- Cơ chế hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

* Hỗ trợ một phần từ NSNN để thực hiện các nội dung sau:

*+ Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học, trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn;cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ HTX; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư, sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du kịch nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn.*

*+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của công đồng;phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải;nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP…Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại. Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, HĐND cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ từ NSNN cho từng nội dung , công việc cụ thể.*

Để có đủ cơ sở pháp lý thực hiện và đáp ứng yêu cầu, quy định của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, cần ban hành các chính sách mới thay thế các chính sách hiện hành đã hết giai đoạn thực hiện, hết hiệu lực thi hành; góp phần tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, đạt được các mục tiêu do Trung ương và Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 13/01/2022của Tỉnh ủy đã đề ra đến năm 2025**[[1]](#footnote-1)**.

1. **Mục tiêu xây dựng chính sách**

Tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ từ NSNN để thực hiện một số nội dung xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tạo sự chủ động cho các ngành, các cấp trong việc huy động các nguồn lực ngoài NSNN thực hiện các nội dung, chương trình chuyên đề của Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân trong xây dựng NTM.

1. **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Để đạt được mục tiêu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ từ NSNN để thực hiện một số nội dung xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, dự thảo báo cáo đánh giá sẽ tập trung vào các nội dung sau:

* **Nội dung 1**: Chính sách hỗ trợ từ NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn bao gồm các công trình: giao thông nông thôn *(đường xã, đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng)*; hệ thống thủy lợi nội đồng, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; hệ thống thoát nước thải khu dân cư; trường học, trạm y tế xã; cơ sở vật chất văn hóa *(trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn)*; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; công trình xử lý môi trường cấp xã.
* **Nội dung 2**: Chính sách hỗ trợ từ NSNN để hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp bao gồm hỗ trợ: tưới tiết kiệm; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây trồng cạn khác có hiệu quả kinh tế cao; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt *(bao gồm cả chứng nhận VietGap hoặc chứng chỉ tương đương)*; phát triển sản xuất liên kết chuỗi; chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ HTX.
1. **Chính sách 1:** Chính sách hỗ trợ từ NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn

## Xác định vấn đề bất cập

Qua hơn 10 năm thực hiện Chương trình, từ nguồn NSNN của Chương trình hỗ trợ trực tiếp và lồng ghép, huy động các nguồn lực khác, các địa phương đã xây dựng mới được 248 km đường, 12 cầu *(tổng chiều dài 682 m)*, 12 cống thoát nước *(tổng chiều dài 77 m)*, 05 tràn *(tổng chiều dài 298 m)*; nâng cấp, cải tạo, bảo trì 831 km đường, 08 cầu *(tổng chiều dài 524 m),* 13 cống thoát nước *(tổng chiều dài 108 m)*; 09 tràn *(tổng chiều dài 283 m).* Đến hết năm 2020 có 46 xã có đường trục thôn được cứng hóa; 45 xã có đường ngõ xóm sạch không lầy lội, đường nội đồng được cứng hóa; 47 xã đều có đường ô tô đến trụ sở UBND xã và đi lại thuận tiện quanh năm; hệ thống kênh mương các cấp được kiên cố hóa với 555,86 km góp phần đảm bảo tưới, tiêu nước chủ động phục vụ sản xuất; đáp ứng yêu cầu dân sinh và phòng chống thiên tai tại chỗ; xây mới 29 trạm y tế, nâng cấp, sữa chữa 22 trạm; đầu tư xây mới và nâng cấp cải tạo 31 chợ, nâng tổng số chợ nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh lên 86 chợ, hầu hết chợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố và chủ yếu là chợ hạng 3 *(chiếm trên 98%)* góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, đáp ứng cơ bản nhu cầu sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân nông thôn.

Tuy nhiên việc quy định mức hỗ trợ từ NSNN không tách bạch với nguồn lực huy động ngoài NSNN, trong đó việc ghép chung giữa ngân sách cấp huyện, cấp xã và huy động khác vào 01 nhóm dẫn đến sự nhập nhằng trong quá trình thực hiện, các địa phương khó tổng hợp, báo cáo phân nguồn. Các địa phương không có nguồn hỗ trợ, không huy động được doanh nghiệp, tổ chức kinh tế *(nhiều xã trên địa bàn không có doanh nghiệp, HTX, tổ chức kinh tế)* sẽ chuyển hết sang huy động trong dân làm cho tỷ lệ đóng góp trong dân quá cao, vượt mức quy định của Chương trình *(theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giai đoạn 2016-2020 thì tỷ lệ huy động đóng góp của cộng đồng dân cư khoảng 10%).*

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015-2020, việc đối ứng nguồn vốn của ngân sách địa phương *(tỉnh, huyện, xã)* để thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu là đối ứng công trình thuộc nội dung đầu tư của Chương trình nhưng được đầu tư bằng các nguồn vốn khác, không đảm bảo theo quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; không đảm bảo tỷ lệ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh *(Báo cáo của các huyện không xác định được mức hỗ trợ cụ thể theo Nghị quyết).*

 Tại Thông báo số 449/TB-KTNN ngày 23/10/2020 của Kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán Chương trình năm 2019 đã kiến nghị HĐND tỉnh **xem xét hủy bỏ hoặc sửa đổi nội dung hỗ trợ đầu tư trụ sở xã** **[[2]](#footnote-2)** và **tỷ lệ hỗ trợ NSNN cho từng loại công trình** cho phù hợp với cơ chế phân bổ vốn của Chương trình theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giai đoạn 2016-2020 *(được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017)* và Thông báo số 460/TB-KTNN ngày 16/9/2021 thông báo kết quả kiểm toán Chương trình năm 2020 thì việc bố trí vốn đối ứng của Tỉnh thực hiện Chương trình thiếu 71.000 triệu đồng.

## Mục tiêu giải quyết vấn đề.

Khắc phục những hạn chế, bất cập trong chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn giai đoạn trước; xác định loại, nhóm công trình được hỗ trợ đáp ứng yêu cầu Chương trình giai đoạn 2021-2025 và quy định mức hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, đảm bảo tỷ lệ hỗ trợ NSNN cho từng loại công trìnhphù hợp với cơ chế phân bổ vốn, cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình.

* 1. **Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**
1. Về loại công trình được hỗ trợ: Thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước không đưa danh mục công trình trụ sở UBND xã vào loại công trình được hỗ trợ và căn cứ Bộ tiêu chí NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 các công trình được hỗ trợ đầu tư gồm: *đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học, trạm y tế xã; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn bản; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản;*

Riêng việc hỗ trợ hệ thống lưới điện nông thôn không xây dựng mức hỗ trợ vì thực tế hệ thống điện do Điện lực Ninh Thuận đầu tư, quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật của ngành và hiện hệ thống điện trên địa bàn các xã, huyện đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống; toàn bộ 47 xã trên địa bàn tỉnh đều đạt tiêu chí về Điện của Bộ tiêu chí xã NTM và các huyện đều đạt tiêu chí về Điện của Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2021-2025.

1. Về phân loại nhóm xã: Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong giai đoạn **2022-2025** nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Chương trình không phân bổ cho các xã ĐBKK để tránh trùng lắp, chồng chéo với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại *(các xã ĐBKK nhận hỗ trợ vốn đầu tư từ 02 Chương trình Giảm nghèo bền vững và Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)*. Vì vậy các xã ĐBKK khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và xã ĐBKK vùng bãi ngang sẽ loại trừ, không đưa vào phân loại nhóm xã.

Việc phân loại nhóm xã để xác định tỷ lệ hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước *(bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)* và nguồn huy động ngoài NSNN (Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác) sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn *(địa bàn khó khăn hơn thì tỷ lệ nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác sẽ thấp hơn vì việc huy động nguồn vốn sẽ khó khăn hơn).*

1. Về mức hỗ trợ: Căn cứ cơ chế phân bổ, cơ cấu nguồn lực Chương trình, mức hỗ trợ cho các xã đầu tư kết cấu hạ tầng sẽ xây dựng tách bạch giữa ngân sách nhà nước với các nguồn huy động khác *(tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư)* ngoài ngân sách nhà nước; không gộp chung ngân sách huyện, xã với nguồn huy động khác như giai đoạn trước.

Căn cứ điểm đ, e khoản 2 mục IV Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ có quy định: nguồn vốn thực hiện Chương trình gồm có vốn doanh nghiệp *(chiếm khoản 4,3%)*, huy động đóng góp tự nguyên của người dân và cộng đồng *(chiếm khoản 5,7%)*, tổng 02 nguồn là 10%. Trên cơ sở đó, đề xuất tỷ lệ vốn nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác tối thiểu để thực hiện các nội dung trên là 10%, còn lại Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 90% *(trừ công trình đường giao thông thôn, liên thôn, đường ngõ xóm, đề xuất tỷ lệ vốn Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác tối thiểu là từ 15%-30%, và công trình Khu thể thao, nhà văn hóa thôn, Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi tỷ lệ vốn Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác tối thiểu là 20% vì 02 công trình này có quy mô nhỏ, suất đầu tư không lớn, mang tính cộng đồng cao, liên quan trực tiếp đến nhu cầu thiết thực, quyền lợi của người dân nên để nâng cao vai trò, vị trí, trách nhiệm của người dân trong xây dựng nông thôn mới cần phải huy động vốn Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác nhiều hơn)*.

Đối với các xã khu vực I, khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tuy điều kiện kinh tế -xã hội tốt hơn các xã đặc biệt khó khăn khu vực III nhưng về cơ bản so với các xã còn lại vẫn còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế- xã hội, khó huy động nguồn lực nên đề xuất tỷ lệ vốn Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác thấp hơn so với các xã còn lại. Cụ thể:

| **TT** | **Nội dung** | **Địa bàn và mức hỗ trợ**  |
| --- | --- | --- |
| **Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, khu vực II)** | **Xã còn lại** |
| **Ngân sách nhà nước tối đa (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)****(%)** | **Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác tối thiểu****(%)** | **Ngân sách nhà nước tối đa (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)****(%)** | **Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác tối thiểu****(%)** |
| **I** | **Công trình giao thông nông thôn** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông đến trung tâm xã | 95 | 5 | 90 | 10 |
| 2 | Đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ xóm | 85 | 15 | 70 | 30 |
| 3 | Đường trục chính nội đồng  | 95 | 5 | 90 | 10 |
| **II** | **Công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai** |  |  |  |  |
| 4 | Đầu tư kiên cố hóa kênh mương và công trình trên kênh | 90 | 10 | 80 | 20 |
| 5 | Công trình phòng chống thiên tai cấp xã | 90 | 10 | 90 | 10 |
| **III** | **Công trình Giáo dục- Y tế- Văn hóa** |  |  |  |  |
| 6 | Xây dựng trường học đạt chuẩn *(trường mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS)* | 95 | 5 | 90 | 10 |
| 7 | Xây dựng trạm y tế xã | 95 | 5 | 90 | 10 |
| 8 | Trung tâm thể thao *(sân thể thao)*, nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng | 95 | 5 | 90 | 10 |
| 9 | Khu thể thao, nhà văn hóa thôn | 90 | 10 | 80 | 20 |
| 10 | Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi | 90 | 10 | 80 | 20 |
| **IV** | **Hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn** |  |  |  |  |
| 11 | Hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản | 90 | 10 | 80 | 20 |
| 12 | Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của cụm xã, xã và các thôn | 90 | 10 | 80 | 20 |
| 13 | Xây dựng công trình thoát nước thải khu dân cư  | 95 | 5 | 90 | 10 |
| **V** | **Hạ tầng thương mại nông thôn** |  |  |  |  |
|  | Chợ an toàn thực phẩm | Thực hiện theo Đề án nhân rộng Mô hình nhân rộng Chợ an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận |

* 1. **Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

 - Tác động về kinh tế xã hội

 + Tác động tích cực: góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, thay đổi bộ mặt nông thôn, tạo môi trường thuận lợi cho người dân trong quá trình sản xuất, vận chuyển hàng hóa, giao thương, buôn bán; cải thiện môi trường, điều kiện sống của người dân ngày một tốt hơn.

+ Tác động tiêu cực: Không có.

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

* 1. **Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Đề nghị lựa chọn giải pháp hỗ trợ bằng hình thức hỗ trợvốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và vốn đầu tư phát triển đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định và mức hỗ trợ vốn cụ thể cho từng cấp xã, huyện theo thứ tự ưu tiên được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*-* Thẩm quyền và hình thức ban hành chính sách:

+ Thẩm quyền giải quyết vấn đề là Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

+ Hình thức quy định giải quyết vấn đề là Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

1. **Chính sách 2:** Chính sách hỗ trợ từ NSNN để hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

## Xác định vấn đề bất cập

Thực hiện Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 ban hành Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh và được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 bao gồm: Hỗ trợ nhân rộng tưới tiết kiệm nước; hỗ trợ chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, cây táo, cây trồng cạn; hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh *(được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số* 11/2019/QĐ-UBND  *ngày 11/02/2019)* trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay đã góp phần thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM của tỉnh. Kết quả cụ thể:

1. *Về hỗ trợ tưới tiết kiệm*: tổng diện tích thực hiện hỗ trợ là 900,8 ha/14.267,7 triệu đồng**[[3]](#footnote-3)** cho các loại cây trồng gồm: Bưởi da xanh, Măng tây xanh, Cỏ chăn nuôi, Đậu phộng, Nho, Táo, cây trồng cạn,...
2. *Về hỗ trợ chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn, cây ăn quả*: tổng diện tích và kinh phí thực hiện hỗ trợ là 806,3 ha/1.976,4 triệu đồng**[[4]](#footnote-4),** bình quân 24,51 triệu đồng/ha.
* *Về hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn*: Đã hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng 21 dự án liên kết/600 triệu đồng**[[5]](#footnote-5)** và hỗ trợ xây dựng các mô hình khuyến nông với tổng kinh phí 9.328 triệu đồng/8.470,8 ha**[[6]](#footnote-6).** Gắn với các dự án liên kết đã thực hiện hỗ trợ máy phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 01 liên kết tại huyện Ninh Phước với kinh phí 120 triệu đồng; hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân tham gia dự án liên kết sản xuất với tổng kinh phí 311,3 triệu đồng/3.186 người tham gia**[[7]](#footnote-7)** và hỗ trợ chi phí mua bao bì, nhãn mác cho HTX tham gia liên kết với tổng kinh phí 352 triệu đồng/07 liên kết**[[8]](#footnote-8)**.
* *Về hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt*: đã hỗ trợ cho 28 HTX, tổ hợp tácxây dựng và chứng nhận VietGAP với tổng diện tích 389 ha/1.361 hộtrên các đối tượng cây trồng chủ lực đặc thù của tỉnh và cùng với sự lồng ghép hỗ trợ từ các chương trình, dự án có liên quan đã nâng quy mô được chứng nhận VietGap và tương đương lên 682,44 ha (*lúa 10ha; hành 20,22 ha; tỏi 7 ha; chanh không hạt 23,3 ha; dưa lưới 62,7 ha; măng tây 107 ha; nha đam 120 ha; nho 254,72 ha; táo 62,5 ha và cây ăn quả khác 15 ha*).

Bên cạnh đó, giai đoạn 2018-2021 tỉnh cũng đã triển khai mô hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các hợp tác xã *(HTX)* trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1231/QĐ-BNN-KTHT ngày 09/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông qua mô hình đã hỗ trợ 19 cán bộ trẻ/ 18 HTX với tổng kinh phí là 1.707 triệu đồng, mỗi cán bộ trẻ được hỗ trợ 36 tháng lương theo mức lương tối thiểu vùng.

Các chính sách hỗ trợ nói trên đã tác động tích cực, góp phần thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Việc hỗ trợ ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm là một trong những giải pháp khả thi, giúp sử dụng nguồn nước tưới hợp lý *(lượng nước tiết kiệm khoảng 20%-40% so với tưới truyền thống)* và hiệu quả trong công tác ứng phó với hạn hán, thiếu nước, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; giảm chi phí lao động và công chăm sóc khoảng 20%-30%, tăng năng suất cây trồng lên 10%-30%, … tạo bước đột phá trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần vào công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang tính bền vững. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cũng đã mang lại lợi ích thiết thực trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh, làm tăng thu nhập, tạo việc làm, đa dạng các sản phẩm hàng hóa trên địa bàn. Sau chuyển đổi, giá trị sau thu hoạch cao hơn nhiều so với trồng lúa, điển hình như đậu xanh, mè, bắp thương phẩm cho lợi nhuận gấp 1,4- 1,6 lần so với trồng lúa; bắp giống, kiệu, dưa các loại cho lợi nhuận gấp 5,2-18 lần so với trồng lúa; các loại cây ăn quả, cỏ chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế tăng gấp từ 5,1-21,0 lần so với trồng lúa,…đồng thời góp phần chống hoang mạc hóa, thoái hóa đất, tăng độ màu mỡ cho đất; phù hợp với điều kiện thực tế hạn hán kéo dài, lượng nước tại các ao, hồ trên địa bàn tỉnh không đủ nước để trồng lúa. Nhờ đạt được hiệu quả cao sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nông dân đã tự đầu tư chuyển đổi thêm 988,28 ha, nâng tổng diện tích chuyển đổi bền vững trên đất trồng lúa kém hiệu quả trên toàn tỉnh đến nay đạt 1.788,58 ha.

 Thông qua các dự án liên kết đã giúp người nông dân tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, khắc phục những hạn chế trong sản xuất, qua đó góp phần làm giảm tối đa chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo sức khỏe của người sản xuất, người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sinh thái, hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Bước đầu hình thành mối liên kết “*4 nhà*” giữa Nhà nước, Nhà Khoa học, Doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hình thành các mối liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, hình thành các chuỗi giá trị; thúc đẩy cơ giới hóa và bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm trong nông nghiệp.

 Chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt *(VietGAP)* từng bước làm thay đổi tập quán sản xuất, giúp nhà sản xuất phản ứng kịp thời hơn với các vấn đề trong sản xuất liên quan đến an toàn, vệ sinh thực phẩm thông qua việc kiểm soát sản xuất trong các khâu làm đất đến thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định. Chứng chỉ VietGAP giúp người sản xuất xây dựng thương hiệu sản phẩm và tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

Bên cạnh đó, mô hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các HTX đã giúp các HTX hoạt động tốt hơn, nhất là công tác quản lý tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; góp phần nâng cao chất lượng Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí về xã NTM.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập cần được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với giai đoạn mới và mang lại hiệu quả tích cực hơn. Đó là:

* *Về hỗ trợ tưới tiết kiệm*

Với mức hỗ trợ hệ thống tưới tiết kiệm tối đa 20 triệu đồng/ha, phần còn lại người dân tự đối ứng là còn thấp so với tổng kinh phí đầu tư *(bình quân trên 100 triệu đồng/ha).* Bên cạnh đó, người dân phải đầu tư trước, sau đó nghiệm thu mới hỗ trợ cho hộ dân. Với cơ chế và mức hỗ trợ như trên chưa thật sự khuyến khích người dân đầu tư; chưa đáp ứng nhu cầu của người dân cần được hỗ trợ trong quá trình đầu tư, nhất là các hộ còn khó khăn về kinh tế, thu nhập ở mức trung bình thấp trở xuống không đủ khả năng đầu tư toàn bộ để sau đó nhận được hỗ trợ. Kết quả thực hiện hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước theo chính sách chỉ đạt 900,8 ha/ kế hoạch 1.200ha, tỷ lệ 75%, chưa hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

* *Về hỗ trợ chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn, cây ăn quả.*

Mặc dù chính sách hỗ trợ chuyển đổi đã mang lại hiệu quả tích cực, tuy nhiên đối tượng cây trồng hỗ trợ còn hạn chế, chưa mở rộng thêm nhiều loại cây trồng có giá trị như mãng cầu, thanh long, xoài,… và mức hỗ trợ hiện không còn phù hợp với mặt bằng giá cả giai đoạn hiện nay.

* *Về hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản*

+ Về hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 sửa đổi, bổ sung mốt số nội dung của Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND quy định NSNN hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, nhưng tối đa không quá **50** triệu đồng *(Mức hỗ trợ này theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là tối đa không quá* ***300*** *triệu đồng).* Với mức hỗ trợ thấp như trên nên chất lượng các sản phẩm tư vấn liên kết không cao; nhiều dự án, phương án liên kết sản xuất gần giống nhau, số liệu điều tra, khảo sát sơ sài dẫn đến tính khả thi của các dự án liên kết sản xuất không cao, liên kết thiếu bền vững; các đơn vị tư vấn lớn, có uy tín thường từ chối tham gia với mức hỗ trợ thực hiện như trên.

+ Về hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Với mức hỗ trợ 30% vốn đầu tư, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng thì các bên tham gia liên kết muốn nhận được hỗ trợ 01 tỷ đồng phải đầu tư công trình có mức vốn đầu tư trên 03 tỷ đồng. Thực tế thời gian qua, các dự án liên kết không nhận được hỗ trợ đầu tư hạ tầng do các liên kết không có sự tham gia của doanh nghiệp lớn, chủ yếu là các liên kết giữa các HTX với HTX hoặc HTX với các doanh nghiệp nhỏ, không có nguồn để đầu tư.

+ Về hỗ trợ công lao động để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên *(hỗ trợ công phun thuốc)*: theo Thông báo số 449/TB-KTNN ngày 23/10/2020 của Kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán Chương trình năm 2019 đã **kiến nghị** **hủy bỏ nội dung này** **do không phù hợp với nội dung chi** quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

* *Về hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt*

Trong chính sách hiện hành, việc hỗ trợ bao gồm hỗ trợ tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGap, trong đó mức hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận VietGap không quá **50** triệu đồng/ vùng sản xuất được cấp giấy chứng nhận vẫn còn phù hợp. Đề xuất tiếp tục duy trì trong giai đoạn 2022-2025

- *Về hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp*

Trong giai đoạn 2016- 2020, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, tỉnh đã triển khai mô hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các HTX, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nhưng chưa được ban hành thành chính sách cụ thể.

Theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025 *(được UBND tỉnh cụ thể hóa tại Quyết định số*[*729/QĐ-UBND*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-1804-qd-ttg-2020-phe-duyet-chuong-trinh-ho-tro-phat-trien-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-457680.aspx)*ngày 11/11/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận)* có nội dung hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể. Đồng thời tại Điều 10 Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng. **Mức chi cụ thể phải được HĐND cấp tỉnh quyết định** phù hợp với khả năng cân đối của địa phương.

Như vậy việc hỗ trợ nói trên cũng cần xây dựng thành chính sách hỗ trợ cụ thể về điều kiện được hỗ trợ, số lượng cán bộ trẻ hỗ trợ/HTX, mức chi và thời gian hỗ trợ để tổ chức thực hiện.

Bên cạnh những chính sách hiện hành còn phù hợp, phát huy hiệu quả như: hỗ trợ bao bì nhãn mác, giống cho các dự án liên kết; hỗ trợ chuyển đổi lúa sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế, hỗ trợ chứng nhận VietGap …cần tiếp tục duy trì, thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 thì cần bổ sung một số chính sách mới để đáp ứng yêu cầu các nội dung của Chương trình và Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 như hỗ trợ các chủ thể tham gia Chương trình OCOP- Mỗi xã một sản phẩm để phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã*;* hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các HTX *(giai đoạn trước chỉ thực hiện thí điểm) …*

Ngoài ra một số nội dung của Chương trình cần quy định mức hỗ trợ từ NSNN theo Quyết định 263/QĐ-TTg như cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bảnđồ số Việt Nam; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn…tại thời điểm này chưa xây dựng chính sách cụ thể do các nội dung này thưộc các Chương trình chuyên đề của Chương trình như Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Hiện nay các Chương trình chuyên đề này chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vì vậy sẽ cập nhật, bồ sung sau nếu cần thiết.

## Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khắc phục những hạn chế, bất cập của một số chính sách nhằm mang lại hiệu quả tốt hơn; tiếp tục phát huy các chính sách còn phù hợp và đề xuất các chính sách mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và yêu cầu của Chương trình giai đoạn 2021-2025; góp phần thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM.

* 1. **Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**a) Chính sách hỗ trợ tưới tiết kiệm**

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đề xuất đối tượng, điều kiện, thứ tự ưu tiên, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ như sau :

- *Đối tượng hỗ trợ:* Hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp trồng trọt có đơn đề nghị được UBND xã xác nhận và có trong kế hoạch dự toán được phân bổ.

*- Điều kiện hỗ trợ:* Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; được địa phương xác nhận đang sản xuất loại cây phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của từng địa phương trên phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống tưới tiết kiệm nước được hỗ trợ lần đầu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành nhưng chưa được hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác.

*- Thứ tự ưu tiên hỗ trợ:*

+ Nhóm 1: Các vùng chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 2: Các vùng sản xuất xuất tập trung chủ lực cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 3: Các vùng sản xuất có HTX sản xuất cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 4: Các vùng sản xuất nông nghiệp khác trên địa bàn tỉnh.

- Mức và cơ chế hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiết tiên tiến, tiết kiệm nước nhưng tối đa không quá **40** triệu đồng/ha

 + Khi khối lượng công việc đạt 60%, được giải ngân 50%.

+ Khi khối lượng công việc đạt 100%, được giải ngân 100%.

*(áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 5 và Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ )*.

**b) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao**

Tại điểm 3.1 khoản 3 Mục II Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 13/01/2022 của Tỉnh ủy đã đề ra mục tiêu đến năm 2025 chuyển đổi thêm 2.000 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao.

Để đạt được mục tiêu trên cần tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao. Chính sách hỗ trợ sẽ không thay đổi về đối tượng, điều kiện, qui mô như giai đoạn trước, chỉ đề xuất thay đổi tỷ lệ hỗ trợ đối với từng loại xã cho phù hợp với Quyết định số 84/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 **[[9]](#footnote-9)** và mức hỗ trợ phù hợp với mặt bằng giá cả hiện nay. Cụ thể:

- Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp trồng mới nho, táo, cây trồng cạn trên diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Trồng mới nho, táo, cây trồng cạn trên diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương. Ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, cây táo, cây trồng cạn gắn với đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm;

+ Cây giống, hạt giống phải được mua từ các cơ sở sản xuất giống đạt tiêu chuẩn;

+ Có quy mô tập trung từ 0,1 ha trở lên đối với nho *(2.000 gốc/ha)*, táo *(600 gốc/ha),* quy mô từ 0,2 ha trở lên đối với cây trồng cạn.

- Mức hỗ trợ: Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng các năm giai đoạn 2018-2022 **[[10]](#footnote-10)** để tính hệ số trượt giá và để xuất mức hỗ trợ so với giai đoạn trước *(thời điểm năm 2017)* như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi sang cây nho, táo: Hỗ trợ giống 01 (*một*) lần với mức **30%** chi phí mua giống *(****40%*** *với địa bàn* ***các xã ĐBKK****),* nhưng không quá **8,2 triệu đồng/ha** đối với nho gốc ghép, **không quá 4,2 triệu đồng/ha** đối với táo ghép;

+ Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng cạn: Hỗ trợ một lần kinh phí mua giống cho vụ sản xuất đầu tiên với mức **hỗ trợ 03 triệu đồng/ha.**

**c) Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.**

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: NSNN hỗ trợ chủ trì liên kết *(doanh nghiệp, HTX)* 100% chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu xây dựng liên kết *(dự án liên kết, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, hợp đồng liên kết…),* tối đa không quá **200** triệu đồng/liên kết. Mức đề xuất bằng 2/3 mức quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; đảm bảo cơ bản chi phí thực hiện công tác điều tra, khảo sát, tư vấn xây dựng dự án liên kết, phương án phát triển sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; phù hợp với mặt bằng giá cả giai đoạn hiện nay *(Các chi phí như lương, chi phí đi lại, phòng trọ, công điều tra …đều tăng so với trước đây).*

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Hỗ trợ chủ trì liên kết **50%** vốn đầu tư nhưng tối đa không quá **01** tỷ đồng/ 01 dự án liên kết để đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết gồm:nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết không thay đổi so với giai đoạn trước, vẫn là 01 tỷ đồng nhưng đề xuất tăng tỷ lệ hỗ trợ từ 30% lên 50% để các bên tham gia liên kết có khả năng đối ứng, giảm tổng mức vốn đầu và tăng khả năng tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông: Đề xuất không đưa vào hỗ trợ như giai đoạn trước *(căn cứ Điều 29 Chương IV Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về Khuyến nông đối với địa phương chỉ hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và hỗ trợ kinh phí đào tạo, tâp huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình).*

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX, cụ thể:

+ Hỗ trợ 30% chi phí mua giống cây trồng trong vụ sản xuất đầu tiên đối với liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt; 30% chi phí về thuốc bảo vệ thực vật ***(không hỗ trợ công phun thuốc theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước)****;*

+ Hỗ trợ 01 lần chi phí mua vắc xin *(không hỗ trợ công tiêm phòng tương tự như trên)* đối với các bệnh nguy hiểm đối với liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi *(bò, dê, cừu).*

+ Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/ 01 dự án liên kết *(tương tự như giai đoạn trước).*

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa **40**% chi phí *(theo điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)* nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/ 01 dự án liên kết.

**d)** **Hỗ trợ** **áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.**

Căn cứ kết quả thực hiện giai đoạn trước, đề xuất chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt giữ nguyên như giai đoạn trước về đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ vì vẫn còn phù hợp. Cụ thể:

+ Hỗ trợ chứng nhận VietGap: Hỗ trợ 01 lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGap với mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng tối đa không quá **50** triệu đồng/vùng sản xuất được cấp giấy chứng nhận *(mức hỗ trợ giữ nguyên như giai đoạn trước).*

+ Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế.

**đ) Chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã**

Để phù hợp với yêu cầu Chương trình và Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025, chính sách hỗ trợ sẽ xây dựng hỗ trợ các nội dung về truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã*.* Riêng đối với việcgắn mã vùng trồng sẽ được các quan chuyên môn nhà nước thực hiện theo quy định, không tốn phí *(Cục trồng trọt sẽ cấp mã vùng trồng trên cơ sở báo cáo khảo sát, đánh giá của Chị cục Trồng trọt và BVTV và đề nghị của địa phương)* nên không xây dựng mức hỗ trợ.

Trên cơ sở tham khảo, nghiên cứu dự toán, chi phí thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đề xuất chính sách hỗ trợ như sau:

+ Đối tượng hỗ trợ: HTX, doanh nghiệp trên địa bàn các xã sản xuất các **sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của xã**. Mỗi xã **được hỗ trợ 01 lần và không quá 02 sản phẩm chủ lực của xã** để đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025.

+ Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Hỗ trợ 01 lần kinh phí thuê tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của xã *(chi phí điều tra, khảo sát cơ sở có sản phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc; xây dựng bộ nhận diện ấn, QR code; đăng ký mã số vạch, GS1, QR code và lệ phí đăng ký bảo hộ)* với mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng tối đa không quá**30 triệu đồng**/sản phẩm được truy xuất nguồn gốc.

**đ) Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.**

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 **thuộc khu vực nông thôn** trên địa bàn tỉnh.

*-* Điều kiện hỗ trợ:HTX nông nghiệp có hoạt động liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; có nhu cầu thực sự và có giấy đề nghị được tuyển dụng cán bộ chuyên môn gửi cấp thẩm quyền xét duyệt.

*-* Thứ tự ưu tiên hỗ trợ:

*+* Các HTX tham giaĐề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Sản xuất theo hợp đồng của doanh nghiệp hoặc tham gia trong chuỗi giá trị nông sản an toàn, chất lượng cao hoặc xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến hoặc xuất khẩu;

+ Áp dụng công nghệ tiên tiến hoặc CNC hoặc các tiêu chuẩn, quy chuẩn để sản xuất nông sản an toàn, bền vững;

+ Có phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể nhất là các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của HTX có nhu cầu tuyển dụng cán bộ chuyên môn; có phương án sử dụng lao động phù hợp hiệu quả đối với cán bộ dự kiến tuyển dụng về làm việc tại HTX.

+ Có phương án trả lương bổ sung cho cán bộ trẻ.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng; tối đa 03 năm/người.

+ Hỗ trợ tối đa 02 người/HTX/năm. Đối với các HTX đã được hỗ trợ khi tham gia mô hình thí điểm nếu có nhu cầu và được cấp thẩm quyền xét duyệt được hỗ trợ 01 người/HTX/năm.

**e) Chính sách hỗ trợ chủ thể phát triển sản phẩm OCOP**

Giai đoạn 2018-2020, theo quy định tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020, các chủ thể tham gia thực hiện chương trình OCOP, được áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Do đó, nếu áp dụng lồng ghép cơ chế chính sách nào thì phải thực hiện theo quy định của chính sách đó dẫn đến vướng mắc trong quá trình hỗ trợ cho các chủ thể hoàn thiện sản phẩm tham gia, đặc biệt là hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm như hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg, chi hỗ trợ quản lý nhãn hiệu các sản phẩm OCOP, bao gồm cả chi phí đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, hỗ trợ chi phí thiết kế nhãn hiệu sản phẩm tham gia chu trình OCOP, in tem, giấy chứng nhận theo Thông tư 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính *( đang dự thảo Thông tư thay thế…)* …Đồng thời, một số nội dung hỗ trợ chưa được Trung ương quy định như hỗ trợ chi phí kiểm nghiệm/phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chỉ tiêu dinh dưỡng; đăng ký mã số, mã vạch, tem điện tử *(truy xuất nguồn gốc)*; đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp; chi phí xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; chi phí xây dựng câu chuyện sản phẩm...trong khi đây là những nội dung bắt buộc phải có trong quá trình đánh giá, phân hạng sản phẩm *( những sản phẩm từ 3 sao trở lên bắt buộc phải thực hiện kiểm nghiệm/phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chỉ tiêu dinh dưỡng và truy xuất nguồn gốc của sản phẩm).*

Xuất phát từ thực tế trên, nhằm đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM *(xã NTM phải có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lện)* và tạo điều kiện cho các chủ thể thuận lợi trong quá trình đầu tư và nhận hỗ trợ từ một chính sách hỗ trợ thống nhất trên địa bàn tỉnh, đề xuất nội dung hỗ trợ trọn gói cho các chủ thể tham gia Chương trình giai đoạn 2022-2025 (*gồm các chi phí thuê tư vấn phát triển sản phẩm,* *chi phí kiểm nghiệm/phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chỉ tiêu dinh dưỡng; đăng ký mã số, mã vạch, tem điện tử truy xuất nguồn gốc; đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp; chi phí xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; chi phí xây dựng câu chuyện sản phẩm...);* bù đắp một phần chi phí cho các chủ thể đầu tư cho sản phẩm theo yêu cầu, quy định của Chương trình.

Căn cứ vào mức độ, yêu cầu đánh giá đối với các sản phẩm từ 3 - 5 sao *(yêu cầu về một số tiêu chí cần đạt tối thiểu theo từng phân hạng sản phẩm OCOP tăng dần từ 3 – 5 sao về xây dựng câu chuyện sản phẩm; tính hoàn thiện của bao bì; tính độc đáo, tinh xảo, sắt nét về chất lượng sản phẩm; mức độ đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường đích đối với sản phẩm 5 sao …)* và chi phí đầu tư để đáp ứng yêu cầu trên, đề xuất chính sách hỗ trợ chủ thể phát triển sản phẩm OCOP như sau:

- Đối tượng áp dụng:Cácchủ thể *(doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình/cơ sở sản xuất có đăng ký kinh doanh)* có sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, xếp hạng từ 03 sao trở lên.

- Nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ

+ Việc thực hiện các chính sách đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp. Trường hợp cùng một thời điểm có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau *(kể cả từ các chương trình, dự án khác)*, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

+ Nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này là hỗ trợ sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOPtừ 03 sao trở lên.

+ Hỗ trợ 01 lần cho trực tiếp cho chủ thể có sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận, xếp hạng.

- Mức hỗ trợ

+ Hỗ trợ đối với sản phẩm lần đầu được công nhận sản phẩm OCOP: 20 triệu đồng/sản phẩm đạt sản phẩm OCOP 3 sao; 30 triệu đồng/sản phẩm đạt sản phẩm OCOP 4 sao và 50 triệu đồng/sản phẩm đạt sản phẩm OCOP 5 sao.

+ Hỗ trợ nâng hạng sản phẩm: 10 triệu đồng/sản phẩm được nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao và 20 triệu đồng/sản phẩm được nâng hạng từ 4 sao lên 5 sao.

* 1. **Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

 - Tác động về kinh tế xã hội

 + Tác động tích cực: Góp phần thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM; sử dụng có hiệu quả các nguồn nước tưới, góp phần chống hoang mạc hóa, thoái hóa đất, tăng độ màu mỡ cho đất; hình thành các mối liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, các chuỗi giá trị theo định hướng phát triển của ngành; thúc đẩy cơ giới hóa và bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm trong nông nghiệp; góp phần làm giảm tối đa chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo sức khỏe của người sản xuất, người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sinh thái, hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp bền vững.

 + Tác động tiêu cực: tăng nhu cầu chi ngân sách từ Chương trình

- Tác động về giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định, không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp bao gồm: hỗ trợ tưới tiết kiệm, hỗ trợ chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao, hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã và chứng nhận VietGap, hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ chủ thể phát triển sản phẩm OCOP.

*-* Thẩm quyền và hình thức ban hành chính sách:

+ Thẩm quyền giải quyết vấn đề là Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

+ Hình thức quy định giải quyết vấn đề là Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

1. **Ý KIẾN THAM VẤN**

Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết được gửi đến Mặt trận và Đoàn thể, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và đăng tải trên cổng thông tin điện tỉnh Ninh Thuận theo hạn định để lấy ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1. **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**
2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các xã và các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết.
3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận các cấp chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Thường trực HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND tỉnh;- Các Sở: Nông nghiệp &PTNT; KH và ĐT, Tài chính, Tư pháp;- UBND các huyện, TP;- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |
|  | **Trần Quốc Nam** |
|  |  |

1. Đến năm 2025 phấn đấu có ít nhất 4 huyện đạt chuẩn NTM, trong đó có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và 01 huyện cơ bản đạt chuẩn NTM nâng cao; ít nhất 38 xã đạt chuẩn NTM, trong đó ít nhất có 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 05 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; không còn xã dưới 15 tiêu chí theo Bộ Tiêu chí; có 85% số thôn đạt chuẩn NTM, trong đó có 5% số thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 60% số thôn thuộc các xã ĐBKK, xã bãi ngang ven biển được công nhận đạt chuẩn NTM. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND nội dung này được hỗ trợ đầu tư 100% từ NSNN. [↑](#footnote-ref-2)
3. Năm 2018 thực hiện 395,3 ha/5.761,2 triệu đồng; năm 2019 thực hiện 311,5 ha/5.036,1 triệu đồng; năm 2020 thực hiện 194,0 ha/3.470,4 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Năm 2018 thực hiện 507,7 ha/991,4 triệu đồng; năm 2019 thực hiện 179,8 ha/542,5 triệu đồng; năm 2020 thực hiện 89,2 ha/344,3 triệu đồng; năm 2021 thực hiện 29,6 ha/98,2 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Năm 2019 hỗ trợ 275 triệu đồng/10 liên kết, năm 2020 hỗ trợ 325 triệu đồng/11 liên kết. [↑](#footnote-ref-5)
6. Năm 2017 thực hiện 156 ha/264,3 triệu đồng; năm 2018 thực hiện 1.363,6 ha/1.883,9 triệu đồng; năm 2019 thực hiện 1.851,6 ha/3.814,6 triệu đồng; năm 2020 thực hiện 2.581,4 ha/2.807,2 triệu đồng; năm 2021 thực hiện 2.518,3 ha/558 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Năm 2018 hỗ trợ 146,9 triệu đồng/1.487 người; năm 2019 hỗ trợ 161,7 triệu đồng/1.664 người, năm 2020 hỗ trợ 2,7 triệu đồng/35 người. [↑](#footnote-ref-7)
8. Năm 2019 hỗ trợ 252 triệu đồng/02 liên kết, năm 2020 hỗ trợ 60 triệu đồng/03 liên kết; năm 2021 hỗ trợ 40 triệu đồng/02 liên kết. [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyết định số 84/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án chính sách hỗ trợ nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-9)
10. Chỉ số giá tiêu dùng các năm giai đoạn 2018-2022: Năm 2018: 102,57; Năm 2019: 104,49; Năm 2020: 103,98; Năm 2021: 101,98; Năm 2022: 102,83. [↑](#footnote-ref-10)